

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhân

2. Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Võ Thị X, sinh năm 1989 (có mặt)

HKTT: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: Thôn L, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Võ Tiến T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị X trình bày:* Chị và anh Võ Tiến T có thời gian tìm hiểu khoảng 04 tháng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng được 01 năm, đến năm 2012 khi con đầu được 01 tuổi thì vợ chồng vào tỉnh B làm ăn sinh sống; đến năm 2018 vợ

chồng về lại nhà cha mẹ chị ở xã N ở đến tháng 8/2020 thì vợ chồng về lại nhà chồng ở xã N sống. Vợ chồng từ khi cưới đã chung sống không hạnh phúc, do vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế trong gia đình, anh T có nghề thợ xây nhưng đi làm về đưa tiền cho chị không đủ chi tiêu, mỗi khi cãi nhau anh T thường đập điện thoại, có lần anh T còn tát tai, mắng chửi chị. Khoảng tháng 02 năm 2021 vợ chồng xây nhà thì thường xuyên cãi nhau chuyện tiền bạc, mỗi lần cãi nhau anh T thường bỏ đi cho đến khi chị đi tìm mới chịu về và đến khi xây nhà xong thì vợ chồng lại mâu thuẫn căng thẳng, anh T đánh chị rồi bỏ đi mấy ngày, không biết là đi đâu, sau đó chị dẫn con bỏ về nhà mẹ ruột ở xã N sống; vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, trong khoảng thời gian này vợ chồng không liên lạc cũng không gặp nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Võ Tiến T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Võ Thụy Na N sinh ngày 17.02.2011 và Võ Lâm Nhật K sinh ngày 19.11.2018 hiện đang ở với chị; ly hôn yêu cầu được nuôi hai người con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 2.000.000đ. Đến ngày 02.7.2021 chị X có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Võ Tiến T trình bày:* Anh và chị Võ Thị X cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà anh ở xã N một thời gian rồi vào TP H sống, cách đây 02 năm thì vợ chồng quay về tỉnh B sống. Đầu năm 2021 sau khi vợ chồng xây nhà thì phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc mẹ vợ can thiệp quá sâu vào chuyện vợ chồng xây nhà, bản thân X lại quá nghe lời mẹ vợ. Sau khi vợ chồng cãi nhau căng thẳng, anh bỏ sang nhà người em chơi thì ở nhà X tự dọn đồ đạc dẫn con bỏ về nhà mẹ ruột ở. Sau đó X thường xúc phạm anh trên mạng xã hội, có thời gian anh đến thăm con thì mẹ vợ xua đuổi không cho vào nhà. Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn với chị X nhưng anh không đến Tòa án, chị X muốn làm gì làm.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Võ Thụy Na N sinh ngày 17.02.2011 và Võ Lâm Nhật K sinh ngày 19.11.2018 hiện đang ở với chị X. Ly hôn anh thống nhất giao 02 người con cho chị X nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị X và anh Võ Tiến T

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Võ Thị X và anh Võ Tiến T về việc giao 02 con chung là Võ Thụy Na N sinh ngày 17.12.2011 và Võ Lâm Nhật K sinh ngày 19.11.2018 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí: Buộc đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Tiến T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị X và anh Võ Tiến T có thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị X và anh T phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị X và anh T cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn, tuy nhiên anh T không đến Tòa án và có đơn không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên họp hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị X và anh T. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị X, anh T thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị X và anh Võ Tiến T.

[2.2] Về con chung: Chị X, anh T xác định vợ chồng có 02 người con tên Võ Thụy Na N sinh ngày 17/02/2011 và Võ Lâm Nhật K sinh ngày 19/11/2018, chị X và anh T cùng thống nhất giao 02 người con cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giữa chị X và anh T về việc nuôi dưỡng con sau ly hôn là

phù hợp với thực tế chị X đang nuôi dưỡng 02 người con và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu Võ Thụy Na N muốn được ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị X, anh T giao 02 người con tên Võ Thụy Na N và Võ Lâm Nhật K cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ngày 02.7.2021 chị X rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và tại phiên tòa chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu này nên đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị X.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị X, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử thì chị X, anh T mỗi người phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị X và anh Võ Tiến T

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Võ Thụy Na N sinh ngày 17/02/2011 và người con tên Võ Lâm Nhật K sinh ngày 19/11/2018 cho chị Võ Thị X tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị X vì chị X rút yêu cầu.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Chị X, anh T không yêu cầu giải quyết

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị X phải chịu 75.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền còn lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) hoàn trả cho chị Võ Thị X theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004854 ngày 14/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Võ Tiến T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ